

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2021/DSST**  
Ngày: 15/12/2021  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Đức Hòa;

2/ Bà Lê Thị Thận;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2021/TLST – DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXXST – DS ngày 05 tháng 11 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Đ, sinh năm: 1962

Cư trú tại: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm: 1972

Cư trú tại: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị Đ trình bày:* Bà và chị Trần Thị L là hàng xóm của nhau. Vào năm 2020 chị Trần Thị L hỏi vay tiền của tôi để lo mai táng, lo cho việc con trai chị Trần Thị L gây tai nạn giao thông nhưng tôi không có tiền cho vay. Mấy ngày sau, chị Trần Thị L nói với tôi là anh Nguyễn Thành Gi có mở cửa hàng cầm cố tài sản nên có cho cầm cố Sổ đỏ để vay tiền. Do thương hoàn cảnh của chị Trần Thị L và là chỗ quen biết lâu năm nên bà có lên nhà anh Nguyễn Thành Gi thỏa

thuận cầm cố Giấy CNQSDĐ để vay số tiền 40.000.000đ. Sau khi nhận được tiền từ ông Nguyễn Thành Gi thì bà giao số tiền 40.000.000đ cho con dâu của chị Trần Thị L. Việc vay tiền giữa bà và anh Nguyễn Thành Gi có làm giấy tờ. Bà không nhớ thời gian vay cụ thể giữa bà và anh Nguyễn Thành Gi, chỉ nhớ là trong năm 2020. Sau đó không thấy chị Trần Thị L trả tiền vay nên bà Vũ Thị Đ mới thỏa thuận ngày 28/7/2020 chị Trần Thị L có trách nhiệm trả tiền vay của ông Nguyễn Thành Gi và rút giấy CNQSDĐ về cho bà Vũ Thị Đ và nói chị Trần Thị L viết tờ giấy để xác nhận ngày trả. Do chị Trần Thị L không biết chữ nên mới nhờ người viết và cầm tờ giấy có tiêu đề “giấy mượn sổ đỏ” lập ngày 28/6/2021 sang nhà bà Vũ Thị H. Tại nhà bà Vũ Thị H, bà Trần Thị L ký tên “Lệ” và lấn tay vào mục người mượn. Việc vay tiền có thỏa thuận lãi theo lãi suất mà bà đã vay của anh Nguyễn Thành Gi. Nay đã quá thời hạn trả tiền mà chị Trần Thị L không trả mà còn bỏ đi khỏi địa phương làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị L trả tiền vay 40.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 28/6/2020 cho đến nay theo lãi suất 1,2%/tháng. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, bà Vũ Thị Đ khai nhận việc vay tiền giữa bà và chị Trần Thị L không có thỏa thuận về lãi suất. Bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị L trả tiền vay 40.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Trần Thị L phải trả cho bà Vũ Thị Đ số tiền vay 40.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị L (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị L.

[2] Xét: Bà Vũ Thị Đ khởi kiện chị Trần Thị L yêu cầu trả số tiền vay 40.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Bà Vũ Thị Đ cung cấp giấy mượn sổ đỏ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn chị Trần Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã M,

huyện B, tỉnh Bình Phước và trong giấy mượn sổ đỏ lập ngày 28/6/2020 có ghi nhận địa chỉ cư trú của chị Trần Thị L tại thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét giao dịch giữa bà Vũ Thị Đ và chị Trần Thị L được xác lập ngày 28/6/2020. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Vũ Thị Đ khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc và tiền lãi. Tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Theo nội dung của giấy mượn sổ đỏ thì thời hạn trả là ngày 28/7/2020. Ngày 11/5/2021 bà Vũ Thị Đ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Do đó, yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi của bà Vũ Thị Đ vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Đ yêu cầu chị Trần Thị L trả số tiền vay 40.000.000đ: Bà Vũ Thị Đ khai nhận bà có cho chị Trần Thị L vay số tiền là 40.000.000đ, thời hạn trả 01 tháng. Việc vay tiền có làm giấy mượn sổ đỏ lập ngày 28/6/2020, các bên có ký nhận. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai lập ngày 15/7/2021 người làm chứng Vũ Thị H (bút lục số 25) cũng xác nhận bà có nhìn thấy việc giao nhận tiền và việc lập giấy mượn sổ giữa bà Vũ Thị Đ và gia đình chị Trần Thị L. Bên cạnh đó, tại biên bản lấy lời khai lập ngày 08/10/2021 anh Nguyễn Thành Gi thừa nhận trong năm 2020 (không nhớ rõ thời gian) anh có cho bà Vũ Thị Đ vay số tiền 40.000.000đ và bà Vũ Thị Đ có cầm cố 01 giấy CNQSDĐ cho anh. Lời khai của bà Vũ Thị Đ phù hợp với nội dung của giấy mượn sổ đỏ do bà Vũ Thị Đ giao nộp hợp pháp cho Tòa án (bút lục số 28) và phù hợp với lời khai của người làm chứng. Theo nội dung biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 15 tháng 6 năm 2021 (bút lục số 17) Công an xã cho biết: Chị Trần Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, từ đầu năm 2021 chị Trần Thị L thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Căn cứ vào quy định tại điểm e khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc chị Trần Thị L không có nơi cư trú ổn định được coi là cố tình giấu địa chỉ. Việc chị Trần Thị L vắng mặt coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc chị Trần Thị L vay tiền của bà Vũ Thị Đ là có thật.

Trong giấy mượn sổ đỏ lập ngày 28/6/2020 có ghi nhận *“Tôi xin hứa tới ngày 28/7/2020 tôi sẽ đi lấy sổ đỏ về cho Vũ Thị Đ”*. Như vậy, thời hạn chị Trần Thị L phải trả tiền vay cho bà Vũ Thị Đ chậm nhất là ngày 28/7/2020. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải*

*trả đủ tiền khi đến hạn.*”. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Đ về việc yêu cầu chị Trần Thị L trả số tiền vay 40.000.000đ là có cơ sở.

[6] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị Đ khai nhận khi vay tiền các bên không có thỏa thuận lãi suất. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay không có lãi. Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*.

Như vậy, yêu cầu của bà Vũ Thị Đ về việc yêu cầu chị Trần Thị L trả tiền lãi có căn cứ chấp nhận. Cụ thể, tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 29/7/2020 đến ngày 15/12/2021 (ngày xét xử) là 16 tháng 16 ngày  $\times 0,83\% / \text{tháng} \times 40.000.000\text{đ} = 5.489.056\text{đ}$ .

Như vậy, số tiền vay và lãi chị Trần Thị L phải trả cho bà Vũ Thị Đ tổng cộng là  $40.000.000\text{đ} + 5.489.056\text{đ} = 45.489.056\text{đ}$ .

[7] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Do đó, bị đơn chị Trần Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là  $45.489.056\text{đ} \times 5\% = 2.274.453\text{đ}$ .

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Đ về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Buộc bị đơn chị Trần Thị L trả cho nguyên đơn bà Vũ Thị Đ số tiền vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 5.489.056đ. Tổng cộng số tiền phải trả là: 45.489.056đ (bốn mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng).

2/ Về án phí: Buộc bị đơn chị Trần Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.274.453đ.

Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Vũ Thị Đ số tiền tạm ứng án phí là 1.132.000đồng theo biên lai thu tiền số 016263 ngày 17 tháng 5 năm 2021.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/12/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND t. Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Thị Phương Hạnh**

